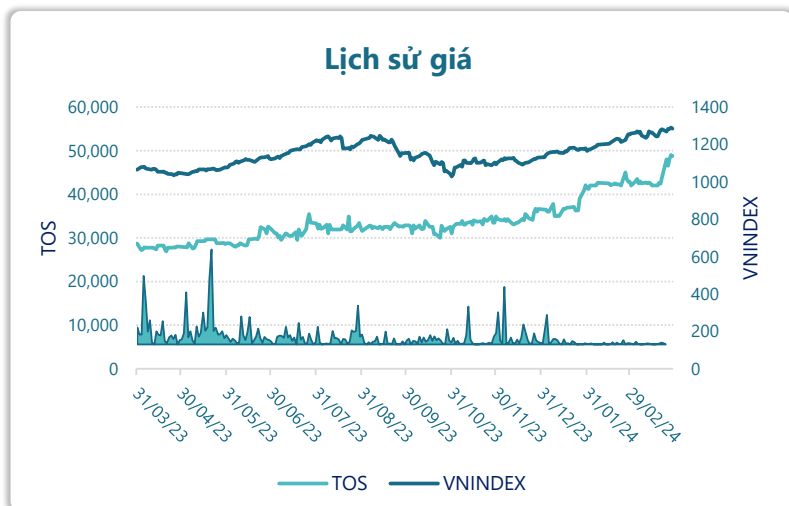


CTCP Dịch vụ biển Tân Cảng (UPCOM: TOS)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	48,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	49,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	26,917
SL cổ phiếu LH	30,999,886
KLGD BQ 20 phiên (CP)	23,220
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,513
P/E	8.1
EPS	6,003

DT thuần
Q1/24

509

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 28.0 | 5.8%

YoY: ▲ 188 | 58.5%

LN sau thuế
Q1/24

39.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.20 | 3.1%

YoY: ▲ 4.80 | 13.9%

Tỷ suất lãi EBIT
2023

21.4%

+/- YoY: ▲ 4.4%

DT thuần
2023

1,581

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 91.0 | 6.1%

LN sau thuế
2023

201

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 39.0 | 24.0%

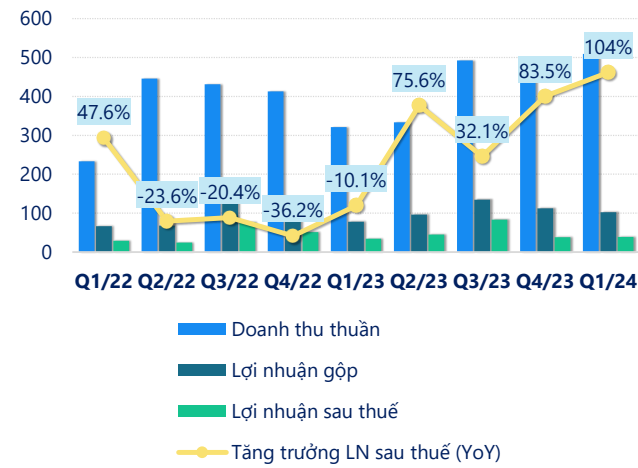
ROE
2023

15.0%

+/- YoY: ▲ 1.4%

tỷ VNĐ

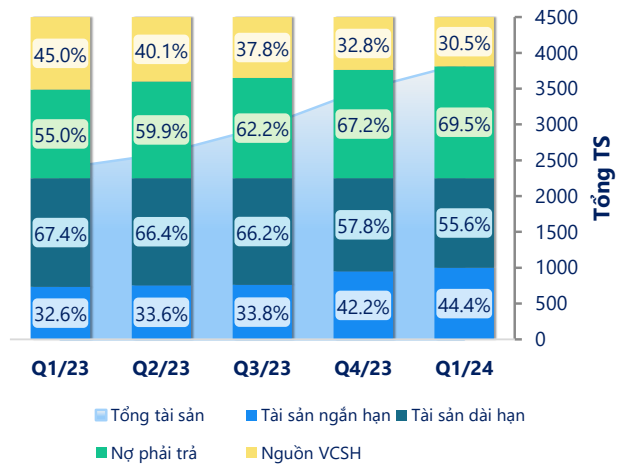
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

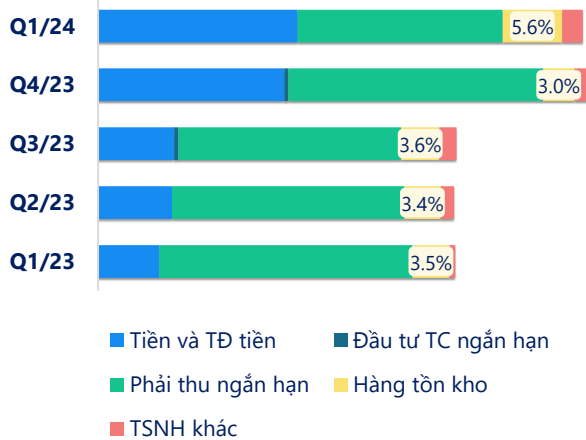
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



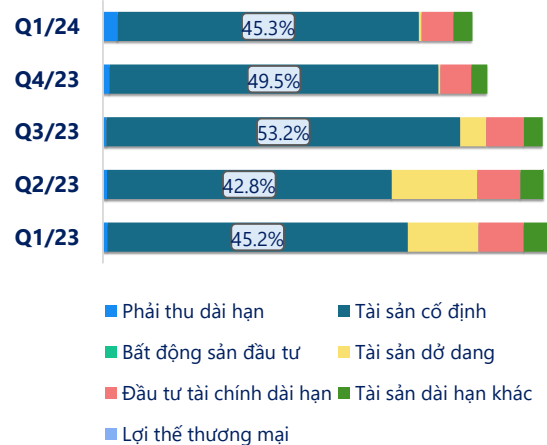
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

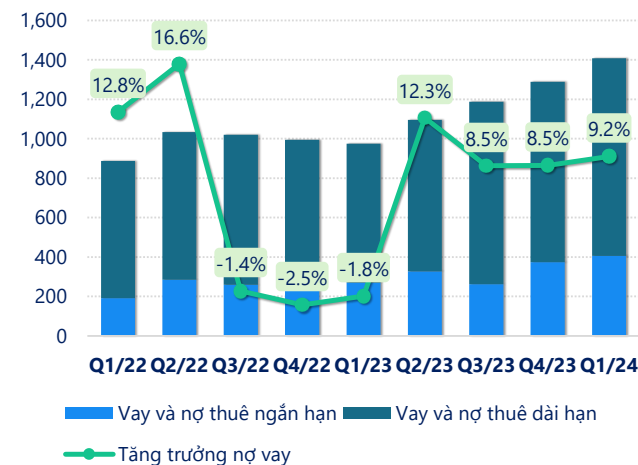
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

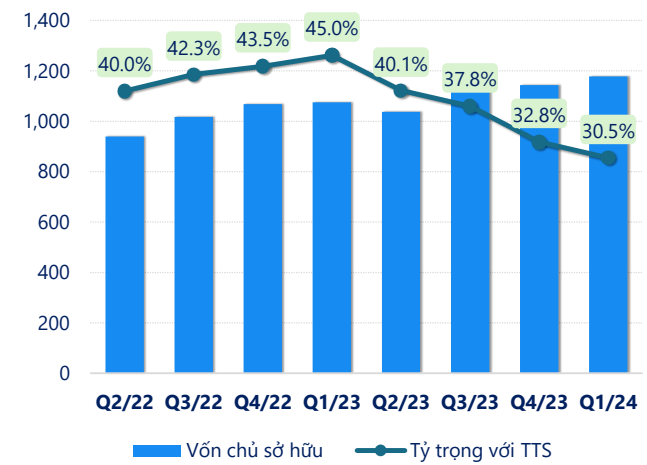
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

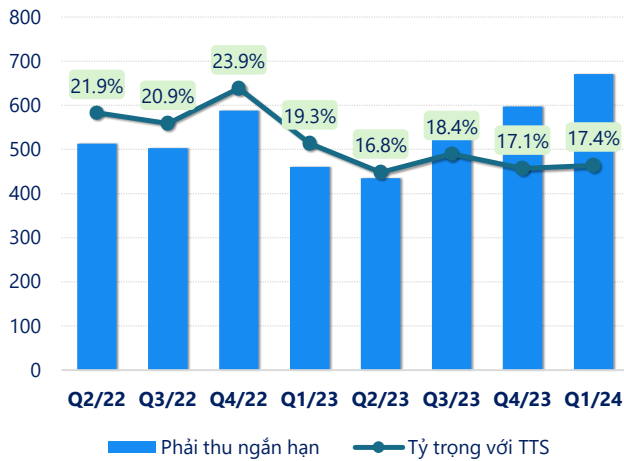
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


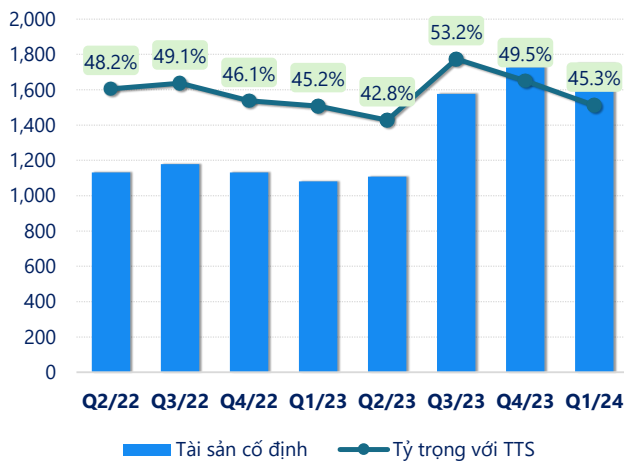
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

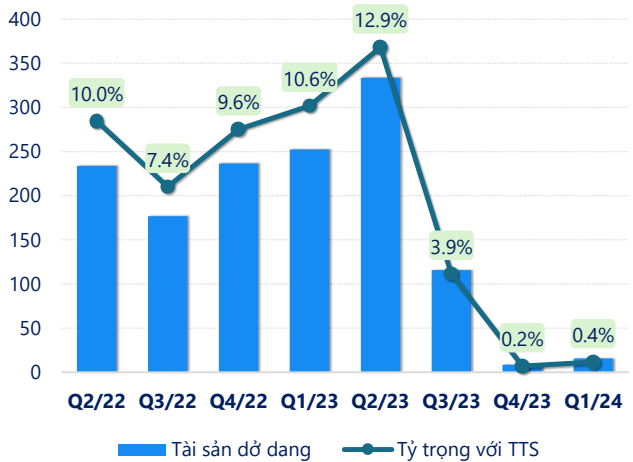

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

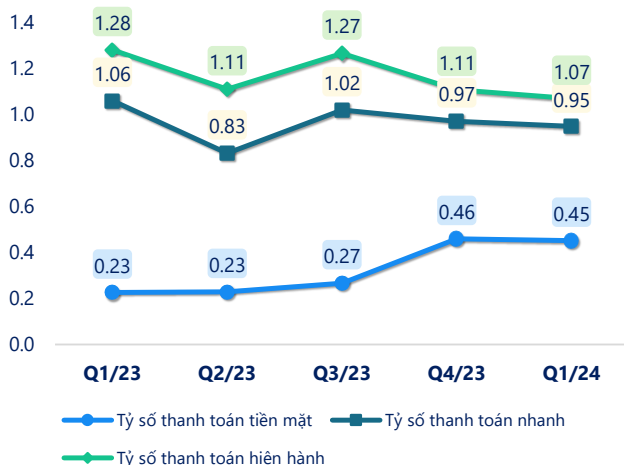
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

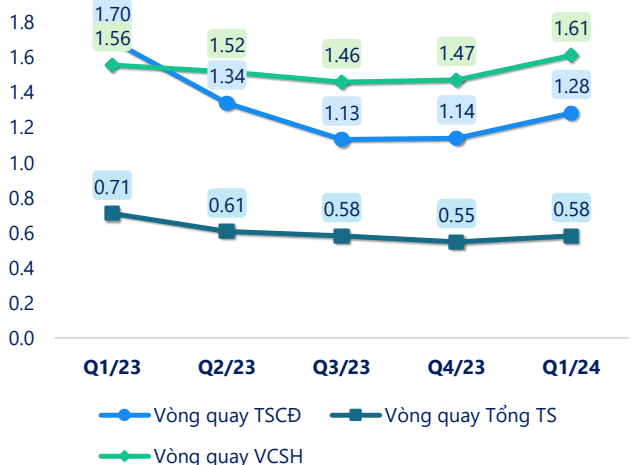
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	2,388	2,588	2,962	3,487	3,856
Tài sản ngắn hạn	777	870	1,002	1,471	1,712
Tiền và tương đương tiền	137	180	211	610	724
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	2.50	2.50	33.7
Phải thu ngắn hạn	460	435	544	597	671
Hàng tồn kho	134	218	195	182	194
Tài sản ngắn hạn khác	45.9	36.9	48.8	79.1	90.0
Tài sản dài hạn	1,610	1,718	1,960	2,016	2,144
Phải thu dài hạn	15.5	15.5	15.5	34.5	85.3
Tài sản cố định	1,080	1,109	1,577	1,726	1,748
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	252	333	116	8.50	15.6
Đầu tư tài chính dài hạn	163	167	168	164	184
Tài sản dài hạn khác	99.4	91.2	84.3	83.2	111
Lợi thế thương mại	0	2.39	0	0	0
Nợ phải trả	1,312	1,551	1,842	2,343	2,679
Nợ ngắn hạn	607	783	792	1,328	1,602
Vay và nợ thuê ngắn hạn	271	328	263	373	406
Phải trả người bán ngắn hạn	182	211	217	96.8	139
Nợ dài hạn	705	768	1,050	1,015	1,077
Vay và nợ thuê dài hạn	705	768	925	916	1,003
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,076	1,037	1,121	1,144	1,177
Vốn chủ sở hữu	1,076	1,037	1,121	1,144	1,177
Vốn điều lệ	310	310	310	310	310
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)